Phụ lục 7: Sinh phẩm, hoá chất, vật tư xét nghiệm sốt xuất huyết

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
1	Kit ELISA phát hiện kháng thể IgG kháng vi rút Dengue	1. Mục đích: Phát hiện kháng thể IgG kháng vi rút Dengue để chẩn đoán xác định ca bệnh 2. Thành phần: - Dung dịch pha loãng - Kháng nguyên - Chứng - Dung dịch rửa - Cộng hợp - Cơ chất TMB - Dung dịch dừng phản ứng. Độ nhạy ≥98%, Độ đặc hiệu≥99%. - Có chứng nhận IVD 3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C 4. Hạn sử dụng ≥ 06 tháng	Hộp 96 phản ứng	8									
2	Kit ELISA phát hiện kháng thể IgM kháng vi rút Dengue	1. Mục đích: Phát hiện kháng thể IgM kháng vi rút Dengue để chẩn đoán xác định ca bệnh 2. Thành phần: - Dung dịch pha loãng - Kháng nguyên - Chứng - Dung dịch rửa - Cộng hợp - Cơ chất TMB - Dung dịch dừng phản ứng. Độ nhạy ≥98%, Độ đặc hiệu≥99%. - Có chứng nhận IVD 3.Điều kiện bảo quản: 2-8°C 4. Hạn sử dụng ≥ 06 tháng	Hộp 96 phản ứng	8									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
3	Kit tách chiết RNA 250 phản ứng	1. Mục đích sử dụng: Tách chiết RNA virus từ mẫu bệnh phẩm. 2. Thành phần: - Cột lọc: 250 cột - Ống hứng dịch: 750 chiếc - Đệm ly giải Buffer AVL: 5 chai x 31ml/chai - Đệm rửa Buffer AW1: 98ml '- Đệm rửa Buffer AW2: 66ml - Đệm Buffer AVE: 10 ống x 2ml/ống - Carrier RNA: 5 ống x 310ug/ống 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 250 phản ứng	3									
4	Hỗn hợp realtime RT-PCR 500 phản ứng	1. Mục đích: Bộ sinh phẩm thực hiện phản ứng Realtime RT PCR 2. Thành phần - 500 µl SuperScript III/Platinum Taq Mix - 12.5 ml đệm 2X - 2 × 1 ml Magnesium Sulfate (50 mM) - 500 µl ROX Reference Dye (25 µM) 3. Điều kiện bảo quản: -20°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 500 phản ứng	2									
5	Đầu dò xác định vi rút dengue	1. Mục đích: Sử dụng phát huỳnh quang trong phản ứng realtime RT- PCR để xác định vi rút dengue 2. Thành phần: - Nucleotide gắn huỳnh quang - Nồng độ 3OD - Trình tự: Probe Denv1: FAM-CAT GTG GYT GGG	Ống	4									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		AGC RCG C-BHQ1 Probe Denv2: HEX-CTC YCC RAG AAC GGG CCT CGA CTT CAA-BHQ1 Probe Denv3: TexRd-ACC TGG ATG TCG GCT GAA GGA GCT TG-BHQ2 Probe Denv4: Cy5-TYC CTA CYC CTA CGC ATC GCA TTC CG-BHQ3 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng											
6	Mồi PCR xác định vi rút dengue	1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để xác định vi rút dengue 2. Thành phần: - Mồi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 100 nmol, dạng đông khô. - Trình tự: D1F: CAA AAG GAA GTC GYG CAA TA D1C: CTG AGT GAA TTC TCT CTG CTR AAC D2F: CAG GCT ATG GCA CYG TCA CGA T D2C: CCA TYT GCA GCA RCA CCA TCT C D3F: GGA CTR GAC ACA CGC ACC CA D3C: CAT GTC TCT ACC TTC TCG ACT TGY CT D4F: TTG TCC TAA TGA TGC TRG TCG D4C: TCC ACC YGA GAC TCC TTC CA 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Ống	8									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
7	Huyết thanh bào thai bê	1. Mục đích: Nuôi cấy tế bào 2. Thành phần: - Thành phần chủ yếu là Albumin - Mức độ nội độc tố ≤ 5 EU/mL - Mức Hemoglobin ≤ 10 mg/dL . 3. Điều kiện bảo quản: -20°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Lọ 500mL	2									
8	Kháng sinh Pen/Strep	1. Mục đích: Nuôi cấy tế bào 2. Thành phần: - 10,000 I.U./mL Penicillin - 10,000 µg/mL Streptomycin 3. Điều kiện bảo quản: -20°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Lọ 100ml	2									
9	Dung dịch muối bi-carbonate	1. Mục đích: Nuôi cấy tế bào 2. Thành phần: - NaHCO3 - Độ tinh khiết 99,7-100% 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Lọ 100ml	2									
10	Ống ly tâm nắp vặn 2 ml	1. Mục đích: Đựng mẫu bệnh phẩm 2. Thành phần: - Ống ly tâm nắp vặn 2.0ml bằng nhựa Polypropylene, đáy tròn - Chịu lực ly tâm: 25,000 x G - Không chứa RNase/DNase và pyrogen 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Túi 1000 chiếc	2									
11	Ống ly tâm 1,5 ml	1. Mục đích: Tách chiết RNA 2. Thành phần: - Ống Eppendorf 1,5ml bằng nhựa	Túi 500 chiếc	5									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		Polypropylene, đáy nhọn - Chịu lực ly tâm tối đa: 25,000 x G - Không chứa RNase/DNase và pyrogen 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng											
12	Dải 8 ống 0,2ml nắp phẳng	1. Mục đích sử dụng: Tube PCR 0.1ml, nắp phẳng dùng để đựng mẫu chuẩn bị cho quá trình PCR 2.Thành phần: - Dải tuýp PCR thể tích 0.2 ml, - Dạng 8 ống/dãy (8 tuýp/1 thanh) - Tuýp làm bằng nhựa Polypropylene 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Hộp 120 dải	5									
13	Pipet nhựa loại 5ml	1. Mục đích sử dụng: Nuôi cấy 2.Thành phần: - Thể tích 5 ml, vạch chia nhỏ nhất: 0,05ml - Đóng gói từng cái, tiệt trùng - Chất liệu: Polypropylene 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 200 chiếc	1									
14	Pipet nhựa loại 10ml	1. Mục đích sử dụng: Nuôi cấy 2.Thành phần: - Thể tích 10 ml, vạch chia nhỏ nhất: 0,1ml - Đóng gói từng cái, tiệt trùng - Chất liệu: Polypropylene 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 200 chiếc	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
15	Đầu côn có lọc tiệt trùng 10µl	1. Mục đích: Dùng để hút mẫu, hóa chất trong kỹ thuật xét nghiệm 2. Thông số kỹ thuật: - Đầu côn làm bằng nhựa, tiệt trùng, thể tích hút tối đa 10ul - Màng lọc kỵ nước, trơ, có khả năng ngăn cản nhiễm dịch vào đầu pipet. - Không chứa Dnase/Rnase, Human DNA, pyrogenic, PCR inhibitors 3. Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 960 chiếc	1									
16	Đầu côn có lọc tiệt trùng 20µl	1. Mục đích: Dùng để hút mẫu, hóa chất trong kỹ thuật xét nghiệm 2. Thông số kỹ thuật: - Đầu côn có lọc dạng dài tiệt trùng thể tích hút tối đa 20ul, - Màng lọc kỵ nước, trơ, có khả năng ngăn cản nhiễm dịch vào đầu pipet. - Tương thích với nhiều loại pipet - Không chứa Dnase/Rnase, Human DNA, pyrogenic, PCR inhibitors 3. Bảo quản nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 960 chiếc	1									
17	Đầu côn có lọc tiệt trùng 200µl	1. Mục đích sử dụng - Dùng cho việc hút 1 lượng mẫu nhất định các dung dịch phục vụ cho thí nghiệm với thể tích nhỏ 2. Thành phần, đặc điểm - Chất liệu: Polypropylene - Tiệt trùng, Không có các thành phần:	Thùng 960 chiếc	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		RNase, DNase Pyrogen, chất ức chế PCR - Không bám dính hóa chất khi hút - Thể tích hút tối đa 200 µl - Có màng lọc polyethylene 3. Bảo quản: Ở nhiệt độ phòng. 4. Hạn sử dụng: ≥12 tháng											
18	Đầu côn có lọc tiệt trùng 1000µl	1. Mục đích sử dụng: Dùng để hút một lượng hóa chất inh phẩm hoặc mẫu với thể tích nhỏ, độ chính xác cao 2, Mô tả - Đầu côn có lọc, thể tích tối đa 1000µL, - Phù hợp với các loại pipetman thông dụng - Không chứa DNA/Dnase/Rnase/ Protease/ATP, - Không chứa độc tố gây sốt, nội độc tố - Chứng nhận hàm lượng kim loại dạng vết cực thấp 3, Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4, Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 960 chiếc	1									
19	Đầu côn không lọc 200ul	1.Mục đích: đầu côn dùng để hút mẫu/ hóa chất 2. Thành phần: Vật liệu: polypropylene, thể tích 200ul. Tương thích với nhiều loại pipet - Không chứa Dnase/RNase và pyrogen, 3. Bảo quản: nhiệt độ thường 4. Hạn sử dụng: không áp dụng	Túi 1000 chiếc	15									
20	Phiến 96 giếng	1.Mục đích: Dùng cho huyết thanh học 2. Thành phần: Dạng đĩa 96 giếng	Thùng 400 phiến	2									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
	đáy bằng	Vật liệu: polypropylene, màu trong Đáy dạng phẳng 3. Bảo quản: nhiệt độ thường 4. Hạn sử dụng: không áp dụng											
21	Hộp đựng mẫu 81 vị trí	1. Mục đích sử dụng: - Dùng để ống đựng mẫu 2. Thành phần: - Hộp đựng mẫu 9x9 (81 vị trí) - Bằng giấy Cardboard, 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥12 tháng	Thùng 40 hộp	3									
22	Găng tay y tế không bột size M	1.Mục đích: Sử dụng cho các thao tác xử lý mẫu, phản ứng 2.Mô tả: Găng tay không bột, chất liệu cao su 3.Bảo quản: nơi khô mát, tránh ánh nắng và nhiệt. 4. Hạn sử dụng: ≥12 tháng	Hộp 50 đôi	25									
23	Khẩu trang y tế	1.Mục đích: Bảo hộ cá nhân (của P3) 2. Thành phần: Đã tiệt trùng bằng khí EO, gạc không dệt, màng lọc khuẩn. 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Hộp 50 cái	10									